

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ XÂY DỰNG

Số: /SXD-QLXD
V/v hướng dẫn một số nội
dung về lập và quản lý chi phí
đầu tư xây dựng theo Nghị
định số 206/2026/NĐ-CP của
Chính phủ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày tháng 7 năm 2026

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Các chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Ngày 15/6/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 206/2026/NĐ-CP quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Bộ Xây dựng đã ban hành các Thông tư hướng dẫn có liên quan, trong đó có Thông tư số 37/2026/TT-BXD và Thông tư số 38/2026/TT-BXD có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026. Thực hiện chỉ đạo của Bộ Xây dựng về việc chuyển đổi thành phần hao phí nhân công trong hệ thống định mức và chuyển đổi giá nhân công xây dựng theo nhóm nhân công, Sở Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng như sau:

1. Công tác lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, xử lý chuyển tiếp: thực hiện theo Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ và các Thông tư số 34/2026/TT-BXD ngày 25/6/2026, số 36/2026/TT-BXD, số 37/2026/TT-BXD, số 38/2026/TT-BXD và số 40/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Áp dụng định mức xây dựng: thực hiện theo Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

3. Hướng dẫn áp dụng chuyển tiếp đơn giá nhân công xây dựng: Trong thời gian địa phương thực hiện việc khảo sát, xây dựng giá nhân công theo các nhóm quy định tại Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, đề nghị các cơ quan, đơn vị áp dụng bảng giá nhân công xây dựng được chuyển đổi từ bảng giá nhân công theo cấp bậc thợ đã được Sở Xây dựng công bố tại Quyết định số 17/QĐ-SXD ngày 14/01/2026 theo hướng dẫn tại khoản 4 Mục I Phụ lục III Thông tư số 37/2026/TT-BXD (có Phụ lục kèm theo).

Việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng thực hiện theo hướng dẫn tại văn bản này kể từ ngày **01/7/2026** đến khi có văn bản thay thế hoặc hướng dẫn mới của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để nghiên cứu, hướng dẫn, xử lý hoặc báo cáo đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Xây dựng (b/cáo);
- UBND tỉnh (b/cáo);
- Ban GD Sở (b/c);
- Các phòng ban, đơn vị thuộc Sở;
- Trang TTĐT Sở XD;
- Lưu: VT, QLXD^{Truong}

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Anh Tuấn

Phụ lục
ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG CHUYỂN ĐỔI THEO NHÓM NHÂN CÔNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

(Kèm theo Văn bản số /SXD-QLXD ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Sở Xây dựng Lâm Đồng)

STT	Nhóm nhân công	Tên nhân công (Loại công tác)	Đơn vị tính	Giá nhân công xây dựng (đồng)		
				Vùng II	Vùng III	Vùng IV
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]
I	Nhóm nhân công xây dựng					
1	Nhóm 1	Chuẩn bị mặt bằng, phá dỡ - tháo dỡ, vệ sinh; công tác phục vụ thi công (bóc xếp, vận chuyển, đóng bao, giàn giáo); công tác đất, đá, cát (đào, đắp, bơm, nạo vét, xói hút, vận chuyển và không gồm phá đá bằng nổ mìn).	công	276.204	275.554	268.124
2	Nhóm 2	Thi công cọc, gia cố, khoan tạo lỗ, khoan giảm áp, khớp nối, phá đá bằng khoan nổ mìn, bê tông xi măng, lắp đặt cấu kiện bê tông, ván khuôn, cốt thép, bê tông nhựa, xây gạch, đá và các công tác khác chưa được quy định tại nhóm 1, 3 và 4 bảng này.	công	306.300	300.500	291.700

STT	Nhóm nhân công	Tên nhân công (Loại công tác)	Đơn vị tính	Giá nhân công xây dựng (đồng)		
				Vùng II	Vùng III	Vùng IV
3	Nhóm 3	Lắp đặt hệ thống kỹ thuật công trình; đường ray, gia công lắp dựng kết cấu gỗ, kết cấu sắt thép; cáp thép; trát, ốp, lát, láng, làm trần, mái, sơn, bả; khảo sát xây dựng.	công	328.131	321.917	312.490
4	Nhóm 4	Lắp đặt, tháo dỡ đường dây tải điện và trạm biến áp, thiết bị công nghệ, thông tin, tín hiệu, đo lường, điều khiển, thí nghiệm.	công	344.746	340.813	328.116
II	Nhóm nhân công vận hành, điều khiển máy					
1	Nhân công vận hành, điều khiển máy		công	338.057	336.191	325.325
2	Lái xe		công	317.136	315.385	305.192
3	Thủy thủ, thợ máy, thợ điện		công	365.000	342.000	326.200
4	Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuộc I, kỹ thuật viên cuộc II tàu sông		công	358.400	351.200	341.900
5	Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuộc I, kỹ thuật viên cuộc II tàu biển		công	362.900	356.300	346.400
6	Thuyền trưởng, thuyền phó		công	400.600	387.400	377.700

STT	Nhóm nhân công	Tên nhân công (Loại công tác)	Đơn vị tính	Giá nhân công xây dựng (đồng)		
				Vùng II	Vùng III	Vùng IV
III	Nhóm nhân công thực hiện công tác khác					
1	Kỹ sư thực hiện khảo sát, thí nghiệm		công	320.000	316.900	313.000
2	Thợ lặn		công	579.400	561.400	548.900
3	Nghệ nhân		công	568.000	527.000	502.000

Ghi chú:

- Bảng giá nhân công chuyên đổi được xác định trên cơ sở bảng đơn giá nhân công đã công bố tại Quyết định số 17/QĐ-SXD ngày 14/01/2026 của Sở Xây dựng, lựa chọn công tác/máy đại diện theo hướng dẫn tại khoản 4 Mục I Phụ lục III Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.
- Việc phân chia vùng theo quy định phân vùng của Chính phủ về lương tối thiểu vùng.
- Đối với khu vực đặc khu thì đơn giá nhân công được điều chỉnh với hệ số 1,08 so với đơn giá nhân công của vùng tương ứng.